

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quân.

2. Bà Hồ Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Tuyết V, sinh năm 1992.

HKTT: 336, tổ 7b, ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Tăng Thế T1, sinh năm 1993.

HKTT: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị Lý Thị Tuyết V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Thế T1 chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị V cùng hai con trở về sống gần ba mẹ ruột tại ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai, còn anh T1 vẫn sinh sống tại ấp 3, xã P huyện N. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung tên Tăng Thế K, sinh ngày 25/3/2015 và Tăng Gia H, sinh ngày 12/5/2020. Ly hôn, chị V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh Tăng Thế T1 không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án.

* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ HKTT của chị V; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh, trích lục khai sinh của hai con chung; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2021 của TAND huyện N; Các bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết sớm vụ án và yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; Biên bản xác minh của Công an và UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chị V và anh T1 yêu thương và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Chị V đã khuyên nhủ và cho anh nhiều cơ hội nhưng anh T1 không thay đổi. Nay chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T1.

Do chị V và anh T1 kết hôn vào năm 2014, khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị V và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, cho thấy anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh

T1 nhưng anh T1 không đến Tòa để cho lời khai, cho thấy anh T1 không muốn hòa giải, đoàn tụ với chị V nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị V, đề nghị Tòa án cho chị V và anh T1 ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Tăng Thế K, sinh ngày 05/3/2015, và Tăng Gia H, sinh ngày 12/5/2020.

Xét thấy: Tại bản tự khai ngày 18/3/2022, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ là chị V, cháu H còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ là chị V nên áp dụng Điều 58 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị V, đề nghị Tòa án giao cháu K, H cho chị V nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Lý Thị Tuyết V phải nộp án phí theo qui định của Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn chị Lý Thị Tuyết V và bị đơn – anh Tăng Thế T1, nhưng chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị V, anh T1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 31/12/2014, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, anh Tăng Thế T1 không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án. Điều đó thể hiện, anh T1 không có thiện chí, cũng không hề có biện pháp nào để cải thiện hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình với chị V trong khi chị V vẫn một mực cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T1.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị V, anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị V được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị V, anh T1 có hai con chung tên Tăng Thế K, sinh ngày 25/3/2015 và Tăng Gia H, sinh ngày 12/5/2020. Hiện cháu K, cháu H đang sinh sống cùng với chị V tại ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Chị V có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con.

Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 18/3/2022, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ là chị V, cháu H còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ là chị V. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu K, cháu H về điều kiện môi trường sống (vật chất, tinh thần), giáo dục, nuôi dưỡng, nên việc chấp nhận yêu cầu của chị V: Giao hai con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi hai con chung là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V khai không có, anh T1 không có ý kiến trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Tuyết V về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Tăng Thế T1, xử cho chị V được ly hôn anh T1.

Về con chung: Giao cháu Tăng Thế K, sinh ngày 25/3/2015 và Tăng Gia H, sinh ngày 12/5/2020 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi hai con chung: Tạm thời anh Tăng Thế T1 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, chị V, anh T1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Anh T1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi hai con.

Trong trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

Vì lợi ích của con chung, chị V, anh T1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị Tuyết V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006940 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND xã P, huyện N,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hường